

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21-01-2025
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Minh Chánh và ông Nguyễn Thanh Tiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Trọng Tín là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Triệu Nhật Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 642/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024; Về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 801/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1984 (có mặt).

Nơi cư trú: Tổ A, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Bùi Văn B, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ A, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông B chung sống với nhau vào năm 2021, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 26/4/2022. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xảy ra cự cãi với nhau về tiền bạc, tình cảm

và nhiều việc khác nên hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ tháng 05/2024 cho đến nay.

Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân có kéo dài cũng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Văn B.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là Bùi Ngọc Diệu H, sinh ngày 18/01/2022. Hiện nay, cháu H đang sống cùng với ông B. Khi ly hôn bà đồng ý giao con chung cho ông B được trực tiếp nuôi con. Bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2024, bị đơn ông Bùi Văn B trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà L chung sống với nhau vào năm 2021, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xảy ra cự cãi với nhau về tiền bạc, tình cảm và nhiều việc khác nên hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ tháng 05/2024 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn.

Nay trước yêu cầu ly hôn của bà L, ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đồng ý ly hôn với bà L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là Bùi Ngọc Diệu H, sinh ngày 18/01/2022. Hiện nay, cháu H đang sống cùng với ông. Khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, cho bà L được ly hôn với ông B. Về con chung: Bà L và ông B có 01 (một) con chung là Bùi Ngọc Diệu H, sinh ngày 18/01/2022. Hiện nay, cháu H đang sống cùng với ông B. Bà L và ông B thống nhất giao cháu H cho ông B được trực tiếp nuôi con. Do đó, đề nghị giao cháu H cho ông B được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không đề cập xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L, ông B

không yêu cầu nên đề nghị không đề cập xem xét, giải quyết. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết:*

Bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung đối với ông B nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*". Ông B có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bà L có mặt. Ông B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về hôn nhân:* Bà L và ông B kết hôn vào năm 2022, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên xét hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, thực tế bà L và ông B đã không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và hiện nay không còn chung sống với nhau. Ông bà đã ly thân từ tháng 05/2024 đến nay nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà L yêu cầu ly hôn do bà không còn tình cảm với ông B, mâu thuẫn trầm trọng trong cuộc sống hôn nhân và bà từ chối hoà giải. Từ đó cho thấy, bà L cương quyết trong việc yêu cầu ly hôn. Về phía ông B những lần Toà án triệu tập đến để tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và phiên toà thì ông B đều vắng mặt và tại biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2024, ông B đồng ý ly hôn. Điều đó cho thấy, ông B không có thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà L.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông B. Tại biên bản xác minh ngày 22/11/2024 và ngày 18/12/2024 đại diện Ban ấp M, xã

M cho biết hôn nhân giữa bà L và ông B có xảy ra mâu thuẫn hay không thì B1 ấp không biết.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa ông bà đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, cho bà L được ly hôn với ông B là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú.

[2.2] *Về con chung*: Bà L và ông B có 01 (một) con chung là Bùi Ngọc Diệu H, sinh ngày 18/01/2022. Hiện nay, cháu H đang sống cùng với ông B. Bà L và ông B thống nhất giao cháu H cho ông B được trực tiếp nuôi dưỡng. Ngoài ra, để đảm bảo về sự phát triển mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu H cho ông B được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông B không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật:

Căn cứ vào Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bà L là người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng có quyền đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Ông B và các thành viên trong gia đình không được cản trở bà L đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà L, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí*: Bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L.

- Về hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị L được ly hôn với ông Bùi Văn B.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Ngọc Diệu H, sinh ngày 18/01/2022 cho ông Bùi Văn B được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đề cập xem xét, giải quyết.

Ông B và các thành viên trong gia đình không được cản trở bà L đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006156 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Bùi Văn B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Cẩm Xuyên